

Số: 3553/TB-BVT

Quảng Ninh, ngày 09 tháng 12 năm 2024

THÔNG BÁO

V/v yêu cầu báo giá mua sắm vật tư y tế sử dụng trong phẫu thuật và can thiệp tim mạch

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp trang thiết bị y tế.

Căn cứ nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho mua sắm vật tư y tế sử dụng trong phẫu thuật và can thiệp tim mạch với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh. (Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh, phường Bạch Đằng, TP.Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh).

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Bà Đào Thị Thuý – Phó khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh. SĐT: 0981519799;

Hoặc Ông Nguyễn Anh Tuấn - Nhân viên khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh. SĐT: 0936821266;

Email: kiemsoatnhiemkhuanbvt@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Bản cứng có đóng dấu:

+ Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh. (Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh, phường Bạch Đằng, TP.Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh).

- Bản mềm: Báo giá (Excel), Catalog, các tài liệu liên quan... (PDF)

+ Nhận qua email: kiemsoatnhiemkhuanbvt@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 07h30 phút ngày 10 tháng 12 năm 2024 đến trước 16h30p ngày 23 tháng 12 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.



5. Thời hạn của hiệu lực báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày hết hạn nộp báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục mua sắm vật tư y tế sử dụng trong phẫu thuật và can thiệp tim mạch, (*Chi tiết phụ lục 1 đính kèm*).

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Địa điểm cung cấp tại Kho vật tư y tế Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn – Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Quảng Ninh.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 12 tháng.

4. Các thông tin khác: Mẫu báo giá chi tiết tại *Phụ lục 2* đính kèm.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh trân trọng thông báo./. *Wh*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TT&HCQT (đăng tải lên CTTĐT);
- Lưu: VT, KSNK.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Bá Việt



PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Thông báo số 3553 /TB-BVT ngày 09/ 12/ 2024 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng
I	Vật tư trong phẫu thuật tim			
1	Bộ tim phổi nhân tạo trong phẫu thuật tim có tích hợp phin lọc kèm dây dẫn cho bệnh nhân dưới 40kg	Bộ	Phổi nhân tạo có tích hợp phin lọc kèm dây dẫn. - Diện tích bề mặt lớp màng: $\geq 1\text{ m}^2$. - Thể tích mỗi $\leq 285\text{ ml}$ - Dung tích bình chứa $\geq 3000\text{ ml}$ - Lưu lượng máu trao đổi tối đa $\geq 4.000\text{ ml/phút}$	5
2	Bộ tim phổi nhân tạo trong phẫu thuật tim có tích hợp phin lọc kèm dây dẫn cho bệnh nhân trên 40kg	Bộ	Phổi nhân tạo có tích hợp phin lọc kèm dây dẫn. - Diện tích bề mặt lớp màng $\geq 1.5\text{ m}^2$. - Thể tích mỗi $\leq 380\text{ ml}$ - Dung tích bình chứa $\geq 3000\text{ ml}$ - Lưu lượng máu trao đổi tối đa $\geq 6000\text{ ml/phút}$	45
3	Van tim nhân tạo cơ học hai lá	Cái	Van nhân tạo cơ học hai lá. - Góc mở cánh van $\geq 80^\circ$ - Kích thước: $\geq 25\text{mm}$ (Tối thiểu 5 cỡ)	50
4	Van tim nhân tạo cơ học động mạch chủ	Cái	Van tim nhân tạo cơ học động mạch chủ. - Góc mở cánh van $\geq 80^\circ$ + Kích thước van: $\geq 19\text{mm}$ (Tối thiểu 5 cỡ)	40
5	Van tim nhân tạo sinh học động mạch chủ	Cái	Van động mạch chủ sinh học được làm bằng màng tim bò hoặc màng tim lợn hoặc van động mạch chủ của lợn. - Kích thước van $\geq 19\text{mm}$ (tối thiểu 5 cỡ)	10
6	Vòng van tim nhân tạo ba lá	Cái	Vòng van 3 lá mềm hoặc bán cứng, loại kín và hở. Kích thước: $\geq 25\text{mm}$ (Tối thiểu 5 cỡ)	20
7	Kit thử HR-ACT	Test	Bộ ống mẫu cho máy đo độ đông máu HR ACT. Dùng cho máy đo thời gian đông máu tự động ACT200 hãng Medtronic.	400

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng
8	Ca-nuyn (cannula) tĩnh mạch gấp góc đầu sắt	Cái	Cannula tĩnh mạch phần đầu uốn cong, mũi vát và có nhiều lỗ Thân chống xoắn. Kích thước ≥ 20 Fr (Tối thiểu 5 cỡ)	20
9	Ca-nuyn (cannula) động mạch đùi hoặc tĩnh mạch cảnh (dùng trong trường hợp mổ ít xâm lấn)	Cái	Cannula động mạch đùi hoặc tĩnh mạch cảnh Kích thước: ≥ 15 Fr, (tối thiểu có cỡ 19Fr, 23Fr)	5
10	Ca-nuyn (cannula) tĩnh mạch đùi	Cái	Cannula tĩnh mạch đùi. + Dài ≥ 60 cm + Cỡ ≥ 15 Fr, (tối thiểu 3 cỡ 21Fr, 23Fr, 25Fr)	5
11	Ca-nuyn (cannula) tĩnh mạch 2 tầng	Cái	Cannula tĩnh mạch 2 tầng + Đầu có lỗ bên, có dây chống xoắn. + Cỡ $\geq 28/36$ Fr hoặc $\geq 29/37$ Fr (Tối thiểu có 3 cỡ)	10
12	Ca-nuyn (cannula) tĩnh mạch thẳng	Cái	- Cannula tĩnh mạch thẳng: + Cỡ ≥ 12 Fr (tối thiểu có các cỡ 28 Fr, 30 Fr, 32 Fr, 34 Fr, 36 Fr). + Đầu thẳng dây dẫn chống xoắn. + Đầu canuyn có nhiều lỗ.	20
13	Ca-nuyn (cannula) động mạch thẳng	Cái	Canuyn động mạch thẳng + Kích thước ≥ 16 Fr (Tối thiểu có 3 cỡ)	20
14	Ca-nuyn (cannula) gốc động mạch chủ	Cái	- Cannulae gốc động mạch chủ: + Cỡ đầu Cannula ≥ 7 Fr. + Chiều dài ≤ 15 cm.	20
15	Ca-nuyn (cannula) hút tim trái	Cái	- Cannula hút tim trái: + Đầu tip có nhiều lỗ. + Thân cannula thẳng. + Các cỡ ≥ 10 Fr (tối thiểu 5 cỡ).	20
16	Ca-nuyn (cannula) truyền động mạch vành	Cái	- Ca-nuyn (cannula) truyền động mạch vành. + Cỡ ≥ 10 Fr (tối thiểu 3 cỡ)	40
17	Dây nối chữ Y truyền vành	Cái	- Dây nối truyền dung dịch liệt tim chữ Y. - Có kẹp trên dây.	20
18	Mạch máu nhân tạo chữ Y	Cái	- Mạch máu nhân tạo chữ Y. - Chất liệu Polyester, được thiết kế dẹt kim. - Tối thiểu đủ 3 cỡ: 16mm x 8mm, 18mm x 9mm, 20mm x 10mm.	30

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng
II	Vật tư trong can thiệp mạch vành			
1	Bóng nong mạch vành áp lực thường loại đường kính < 1mm	Cái	- Bóng nong có điểm cản quang. + Đường kính: <1.0mm . + Chiều dài: ≥ 4mm. - Chiều dài hệ thống của Catheter ≥140 cm. - Tương thích với Guide wire 0.014". - Tương thích với Guiding Catheter ≥ 5F.	100
2	Ống thông dẫn đường (guiding catheter) trong can thiệp mạch vành loại đầu cong có EBU	Cái	- Kích thước: Tối thiểu 3 cỡ 5Fr, 6Fr, 7 Fr. Chiều dài ≥ 90cm. - Tối thiểu có các loại đầu cong đặc biệt JL, JR,AL, AR và EBU.	400
3	Ống thông dẫn đường (guiding catheter) đầu thẳng (ST)	Cái	- Cấu tạo: lớp trong bằng PTFE, - Hình dạng kiểu thẳng (straight). - Kích thước: cỡ 5F . - Chiều dài ≥120cm	10
4	Đầu dò siêu âm trong lòng mạch vành tương thích với máy Volcano core	Cái	- Đầu dò siêu âm trong lòng mạch vành - Tương thích với máy Volcano core.	10
5	Dây dẫn áp lực để đo dự trữ dòng chảy động mạch vành (FFR) tương thích với máy Volcano core	Cái	- Dây dẫn áp lực để đo dự trữ dòng chảy động mạch vành (FFR) các loại, các cỡ - Tương thích với máy Volcano core.	10
III	Vật tư trong can thiệp mạch ngoại vi			
1	Ống thông, đầu đốt (đầu kim) sóng cao tần (RF) điều trị suy tĩnh mạch chi dưới đường kính đầu đốt < 2mm	Cái	- Ống thông, đầu đốt (đầu kim) sóng cao tần (RF) được dùng để điều trị tĩnh mạch hiển: - Ống thông: + Chiều dài: ≥ 1.000 mm. - Đầu đốt (đầu kim): + Chiều dài: ≥ 3mm. + Đường kính: < 2 mm.	20
2	Ống thông, đầu đốt (đầu kim) sóng cao tần (RF) điều trị suy tĩnh mạch chi dưới đường kính đầu đốt ≥ 2mm	Cái	- Ống thông, đầu đốt (đầu kim) sóng cao tần (RF) được dùng để điều trị tĩnh mạch hiển: - Ống thông: + Chiều dài: ≥ 1.000 mm. - Đầu đốt (đầu kim): + Chiều dài: ≥ 3mm. + Đường kính: ≥ 2 mm.	50

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng
3	Đầu đốt, dây đốt, ống thông laser nội mạch điều trị tĩnh mạch giãn	Cái	Bao gồm: Ống thông (catheter), đầu đốt laser nội mạch sợi quang học kèm bộ mở đường vào mạch máu. + Đường kính ống thông (catheter) $\geq 400\mu\text{m}$. + Chiều dài ống thông (catheter) $\geq 2,5\text{m}$. + Bộ mở đường vào mạch máu: Kim chọc mạch, Que nong, dây dẫn.	80
4	Dây dẫn đường (guide wire) can thiệp mạch ngoại vi đường kính 0.014"	Cái	- Đường kính 0.014". - Độ dài $\geq 150\text{cm}$, (tối thiểu có cỡ $\geq 260\text{cm}$). - Chiều dài đầu tip (Cuốn lò xo cân quang) $\geq 2\text{cm}$.	40
5	Dây dẫn đường (guide wire) can thiệp mạch ngoại vi đường kính 0.018"	Cái	- Đường kính 0.018". - Độ dài $\geq 150\text{cm}$, (tối thiểu có cỡ $\geq 260\text{cm}$). - Chiều dài đầu tip (Cuốn lò xo cân quang) $\geq 2\text{cm}$.	30
6	Dây dẫn đường (guide wire) can thiệp mạch ngoại vi đường kính 0.035"	Cái	- Đường kính 0.035". - Độ dài $\geq 150\text{cm}$ (tối thiểu có cỡ $\geq 260\text{cm}$). - Chiều dài đầu tip $\geq 4\text{cm}$.	40
7	Dây dẫn đường (micro guide wire) các loại, các cỡ	Cái	- Nhiều loại lớp phủ khác nhau. - Chiều dài $\geq 180\text{cm}$, (tối thiểu có chiều dài 300 cm). - Đầu tip dạng thẳng, dạng uốn sẵn. - Khả năng tải đầu tip $\geq 1\text{gf}$, (tối thiểu phải có 40 gf). - Đường kính $\geq 0.014"$.	30
8	Ống thông dẫn đường (guiding catheter) can thiệp ngoại vi	Cái	- Ống thông dẫn đường (guiding catheter) can thiệp ngoại vi. + Đầu tip thon dần. + Thân catheter có 3 vạch đánh dấu chắn xạ. + Chiều dài : $\geq 135\text{cm}$. - Ống thông (catheter) tương thích với dây dẫn: $\geq 0,014"$ (tối thiểu 3 cỡ).	30
9	Stent mạch ngoại vi	Cái	- Stent tự giãn nở hoặc tự bung. + Đường kính $\geq 5\text{mm}$. + Chiều dài $\leq 200\text{mm}$ - Độ dài ống thông (catheter) có gắn stent $\geq 80\text{cm}$.	20
10	Khung giá đỡ (stent có màng bọc, cover stent) dùng cho động mạch chủ chậu	Cái	- Khung giá đỡ (stent) có màng bọc dùng cho can thiệp động mạch chủ, động mạch chậu. Kích cỡ: + Đường kính: $\geq 12\text{mm}$. + Chiều dài $\leq 59\text{mm}$. - Ống thông (catheter) khả dụng: $\geq 75\text{cm}$. - Sheath tương thích: $\geq 9\text{F}$.	5

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng
11	Stent động mạch thận các loại, các cỡ	Cái	- Stent động mạch thận nở bằng bóng. + Kích thước: đường kính: ≥ 4.5 mm (tối thiểu 3 cỡ). + Chiều dài: ≥ 12mm. + Chất liệu: Hợp kim. - Ống thông (catheter) dài ≥ 135cm. - Tương thích với dây dẫn ≥ 0.014" và hệ thống (ống thông) $\geq 4F$.	2
12	Khung giá đỡ (stent có màng bọc, cover stent) dùng cho can thiệp ngoại biên	Cái	- Khung giá đỡ (stent) có màng bọc. + Đường kính: ≥ 5mm (Tối thiểu có cỡ 10mm). + Chiều dài: ≥ 27mm (Tối thiểu 3 cỡ). - Thanh chống Stent. + Độ dày: ≥ 0.145mm. + Độ rộng: ≥ 0.135mm. - Chiều dài ống thông (catheter): ≥ 75cm. - Sheath tương thích: $\geq 6F$	5
13	Stent động mạch cảnh (dùng trong can thiệp mạch cảnh đoạn ngoài sọ)	Cái	- Khung giá đỡ (Stent) tự giãn nở bằng hợp kim hoặc Nitinol. - Khung giá đỡ gồm 02 loại: Thẳng và Thuôn. - Độ dài ống thông (catheter) có gắn stent ≥ 135cm, sử dụng dây dẫn 0.014". - Tương thích với dụng cụ mở đường $\geq 6F$. - 2 điểm đánh dấu.	40
14	Ống thông dẫn đường (guiding catheter) dùng trong can thiệp mạch cảnh đoạn ngoài sọ.	Cái	- Đường kính trong lớn loại 0.070" - 0.088" (tối thiểu 2 cỡ 0.070", 0.088"). - Chiều dài loại 0.070": 100cm - 110 cm; - Chiều dài loại 0.088": 80cm - 100cm. - Đường kính ngoài đầu gần/đầu xa 8F/8F đối với loại 0.088", - Đường kính đầu gần/đầu xa 6F/6F đối với loại 0.070"	40
15	Bóng nong (balloon) động mạch (dùng trong can thiệp mạch cảnh đoạn ngoài sọ)	Cái	- Bóng nong dùng trong can thiệp mạch cảnh ngoài sọ. + Đường kính bóng: 6mm - 10 mm, (tối thiểu có cỡ 6mm) + Chiều dài bóng: ≥ 15mm. - Chiều dài ống thông (catheter): ≥ 100 cm. - Guidewire tương thích 0.014" hoặc 0.018".	40

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng
16	Dù bảo vệ mạch ngoại vi (dùng trong can thiệp mạch cảnh đoạn ngoài sọ)	Cái	- Dây dẫn gắn lưới lọc hình chóp nón, kèm ống thông dẫn và thu hồi. - Đường kính lưới lọc $\geq 5\text{mm}$ (tối thiểu có 3 cỡ). - Độ dài dây dẫn $\geq 190\text{cm}$. - Hệ thống phù hợp với cả dây dẫn $\geq 0.014"$ - Lưới lọc được phủ heparin. - Đường kính vượt tổn thương: $\geq 3.2\text{Fr}$ - Có 1 marker đầu gần và 1 marker đầu xa. - Dây dẫn đường xoay và di chuyển theo chiều dọc độc lập với lưới lọc.	40
17	Bóng nong (balloon) mạch ngoại vi phủ thuốc	Cái	- Bóng nong động mạch ngoại biên phủ thuốc. - Bóng đi trên vi dây dẫn 0.014". + Đường kính: $\geq 1.5\text{mm}$. + Độ dài: $\geq 40\text{mm}$. - Bóng đi trên vi dây dẫn 0.018" + Đường kính $\geq 2.0\text{mm}$. + Độ dài: $\geq 20\text{mm}$. - Bóng đi trên vi dây dẫn 0.035" + Đường kính: $\geq 5.0\text{mm}$. + Độ dài: $\geq 20\text{mm}$.	60
18	Bóng nong (balloon) mạch ngoại vi áp lực thường	Cái	- Bóng nong mạch ngoại vi phủ lớp ái nước. - Có 3 loại tương thích với 3 guidewire 0.014", 0.018", 0.035". + Loại 0.014": Đường kính bóng: $\geq 1,5\text{mm}$ (Tối thiểu 4 cỡ). + Loại 0.018": Đường kính bóng: $\geq 2\text{mm}$ (Tối thiểu 4 cỡ). + Loại 0.035": Đường kính bóng: $\geq 3\text{mm}$ (Tối thiểu 4 cỡ). - Chiều dài bóng: Từ 20mm đến 200mm (tối thiểu có cỡ 200 mm). - Chiều dài ống thông (catheter): $\leq 150\text{cm}$.	80
19	Bóng nong (balloon) áp lực cao (dùng trong can thiệp cầu tay nhân tạo)	Cái	- Bóng nong ngoại biên áp lực cao: + Tương thích với dây dẫn đường kính $\leq 0.035"$ (tối thiểu phải có bóng tương thích với dây dẫn đường kính 0.035"). + Đường kính: $\geq 4.0\text{ mm}$. + Chiều dài: $\geq 20\text{ mm}$. - Chiều dài ống thông (catheter): 40cm.	40

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng
20	Bóng nong (balloon) áp lực cao (dùng trong can thiệp mạch ngoại vi)	Cái	- Bóng nong ngoại biên áp lực cao: + Tương thích với dây dẫn đường kính $\leq 0.035"$ (tối thiểu phải có bóng tương thích với dây dẫn đường kính $0.035"$). + Đường kính: ≥ 4.0 mm. + Chiều dài: ≥ 20 mm. - Chiều dài ống thông (catheter): ≥ 75cm, (tối thiểu 2 cỡ).	40
21	Keo sinh học tĩnh mạch	Bộ	- Bao gồm: + Súng bơm keo. + Keo đi kèm ≥ 5ml. + Ống thông (catheter) tương thích với wire $\leq 0.035"$. + Dây dẫn đầu J dài ≥ 180 cm.	5
IV	Máy tạo nhịp			
1	Bộ máy tạo nhịp tim 1 buồng đáp ứng tần số	Bộ	- Máy tạo nhịp tim 1 buồng đáp ứng tần số bao gồm: - Thân máy chính: 01 cái. - Phụ kiện: + Dây điện cực tạo nhịp: 01 cái, chiều dài: ≥ 52 cm. + Kim chọc $\geq 6F$: 01 cái. - Tương thích với chụp cộng hưởng từ ≥ 1.5 Tesla.	10
2	Máy tạo nhịp tim 2 buồng đáp ứng tần số	Bộ	- Máy tạo nhịp tim 2 buồng đáp ứng tần số bao gồm: - Thân máy chính: 01 cái. + Thời gian hoạt động dự tính của Pin (máy): ≥ 9.5 năm. - Phụ kiện: + Kim chọc mạch $\geq 6F$: 02 cái. + Dây điện cực: 02 cái. - Tương thích với chụp cộng hưởng từ ≥ 1.5 Tesla.	60
3	Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng	Bộ	- Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng bao gồm: - Thân máy chính: 01 cái - Phụ kiện: + Kim chọc $\geq 6F$ (tối thiểu 3 cái). + Dây điện cực (dây dẫn tín hiệu) tạo nhịp ≥ 03 cái + Dụng cụ đưa dây dẫn ≥ 01 cái. + Ống thông bơm thuốc cân quang. + Dụng cụ hoặc phụ kiện đưa dây dẫn vào xoang vành. - Tương thích với chụp cộng hưởng từ $\geq 1,5$ Tesla.	1

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng
4	Máy tạo nhịp phá rung (ICD) 1 buồng	Bộ	Máy tạo nhịp phá rung (ICD) 1 buồng bao gồm: - Thân máy chính: 01 cái, + Năng lượng sốc $\geq 25J$. + Lập trình có tính năng giúp giảm số lần shock không thích hợp và không cần thiết. - Phụ kiện: + Dây điện cực phá rung: 01 cái. + Kim chọc mạch: 01 cái. - Thời gian hoạt động dự tính của Pin (máy): ≥ 9.5 năm. - Tương thích với chụp cộng hưởng từ ≥ 1.5 Tesla.	2



PHỤ LỤC 2
BẢNG CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ CHÀO GIÁ
(Kèm theo Thông báo số 3553 /TB-BVT ngày 09/ 12/ 2024 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)



Tên nhà thầu: Công ty
Địa chỉ liên hệ:.....
Điện thoại DD.....
Email:

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Trên cơ sở yêu cầu báo giá Thông báo số/TB-BVT ngày .././ 2024 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh, chúng tôi ... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các trang thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các trang thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

STT (1)	STT Thông báo mời BG (2)	Danh mục thiết bị y tế (3)	Ký, mã, nhãn hiệu, model (4)	Mã VTYT theo QĐ 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc theo TT 04 04/2017/TT-BYT ngày 14/04/2017 (5)	Thông số kỹ thuật (6)	Số đăng ký lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu. (7)	Đạt tiêu chuẩn (8)	Mã HS (9)	Phân loại TTYT (A,B,C,D) (10)	Năm sx (11)	Hãng/ nước chủ sở hữu (12)	Hãng/Nước sản xuất (13)	Quy cách đóng gói (14)	Đơn vị tính (15)	Số lượng (16)	Đơn giá (VND) (17)	Thành tiền (VND) (18)	Kết quả trúng thầu 12 tháng gần nhất (Giá trúng thầu/Số QĐ/ ngày tháng năm/ đơn vị ra QĐ) (19)
1																		
2																		

Ghi chú:

(4) ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(6) ghi cụ thể thông số kỹ thuật của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(17) là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (Bao gồm thuế, phí, lệ phí, dụng cụ phụ trợ đi kèm đảm bảo thực hiện được kỹ thuật và dịch vụ liên quan (nếu có).

1. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày] .
2. Chúng tôi cam kết:
- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
 - Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
 - Những thông tin nêu trong báo Giá là trung thực.

..., Ngày... tháng ... năm ...
Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(ký tên, đóng dấu)